TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày: 26/01/ 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Thảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Luân Văn Lý và ông Nông Văn Vụ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: ĐOÀN THỊ T; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 04/4/1974;

Hộ khẩu thường trú: Tổ HH, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở: Tổ B, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Bán hàng tạp hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, chính quyền: Không; Trình độ học vấn: 10/12 phổ thông;

Con ông: Đoàn Hữu L, sinh năm: 1945, trú tại Tổ HH, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Con bà: Trần Thị T, đã chết năm 1984;

Chồng thứ nhất: Đinh Văn N, sinh năm: 1974 (Đã ly hôn năm 2008);

Chồng thứ hai: La Văn T, sinh năm: 1971, trú tại: Tổ MS, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Tháng 4/2017 bị Công an tỉnh Bắc Kạn bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy;

Con: Bị cáo có 02 con, con đầu sinh năm 1999, con thứ hai sinh năm 2001, đều trú tại: Tổ HH, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Anh chị em ruột: Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2006 bị Công an thị xã Cao Bằng xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc;

- Năm 2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Cao Bằng xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt vào nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 18/6/2017.

Bị cáo bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; Có mặt.

2. Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC H; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 29/01/1982;

Hộ khẩu thường trú: Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Chỗ ở: Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: Không nghề; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, chính quyền: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông;

Con ông: Nguyễn Xuân C, sinh năm 1958; trú tại: Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Con bà: Ngô Thị L, đã chết năm 2012;

Chồng: Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1967; trú tại: thành phố LS, tỉnh Lạng Sơn (đã ly hôn);

Con: Bị cáo có 03 con, con đầu sinh năm 2001; con thứ hai sinh năm 2007; con thứ ba sinh năm 2015, hiện đều trú tại Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Anh chị em ruột: Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con cả trong gia đình;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 04/12/2012 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 18 tháng về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Án chưa được xóa án tích vì bị cáo chưa chấp hành xong quyết định của bản án số 534/2012/HS-ST ngày 04/12/2012 về phần truy nộp khoản tiền do phạm tội mà có để tịch thu, sung quỹ Nhà nước).

Bị cáo bị bắt vào Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 18/6/2017; Hiện bị cáo đang được tại ngoại tại Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng từ ngày 27/6/2017.

Bị cáo bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; Có mặt.

3. Họ và tên: KIỀU LINH N; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 20/01/1983;

Hộ khẩu thường trú: Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn;

Chỗ ở: Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Không nghề; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ Đảng, chính quyền: Không; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông;

Con ông: Kiều T (đã chết năm 2008); Con bà: Bùi Thị H (đã chết năm 1991);

Anh chị em ruột: Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình;

Chồng, con: Chưa có;

Tiền án: không; Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt vào Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Cao Bằng từ ngày 18/6/2017.

Bị cáo bị truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Hữu L, sinh 1945;

Trú tại: Tổ HH, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Có mặt.

2. Ông Nông Thế M, sinh 1985;

Trú tại: Tổ MB, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng (Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Cao Bằng);

Có mặt.

3. Bà Ngô Thị Bích V, sinh 1963;

Trú tại: Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Vắng.

4. Ông Phi Hữu T, sinh 1987;

Trú tại: SN23B, tổ C, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Vắng.

5. Ông Hoàng Tiến T, sinh 1981;

Trú tại: Tổ MM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Vắng.

Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị H, sinh 1962;

Trú tại: Tổ MM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Vắng.

2. Ông Phùng Quang H, sinh 1987;

Trú tại: Tổ M, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 16 giờ 30 phút ngày

18/6/2017 tại tổ MB, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng bắt quả tang Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm 1982, trú tại Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 01 gói giấy màu trắng bên trong có 01 túi nilon màu trắng trong có chứa Hêrôin, trọng lượng là 5,55g (năm phẩy năm năm gam) thu giữ dưới đất cạnh chỗ H đang đứng. Tạm giữ 01 xe mô tô Honda màu đen xám biển kiểm soát 11F8-8679 H đang sử dụng; 02 điện thoại di động (trong đó 01 điện thoại di động màu trắng mặt sau có chữ OPPO và 01 điện thoại di động màu đen mặt trước có chữ NOKIA) thu giữ trong túi xách của H; số tiền 1.270.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ trong túi quần bên phải chiếc quần H đang mặc. Toàn bộ số vật chứng nêu trên đã được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. H khai nhận số Hêrôin mà công an thu giữ được là H mua với Đoàn Thị T (sinh năm 1974, HKTT: Tổ HH, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở: tổ B, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) để bán lại cho Trần Thanh L (sinh năm 1985, HKTT: tổ BH, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng).

Hồi 17 giờ 25 phút, ngày 18/6/2017 trên đường đến khám xét khẩn cấp nơi ở của Đoàn Thị T, khi gần đến nhà T thuộc tổ B, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng bắt quả tang Kiều Linh N (sinh năm1983, HKTT: tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn) và Hoàng Tiến T (sinh năm1981, trú tại tổ MM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ của N: 01 túi nilon màu đỏ được bọc băng dính màu trắng, bên trong có chứa 04 gói nilon màu trắng trong suốt chứa thuốc phiện, trọng lượng là 375,69g (ba bảy năm phẩy sáu chín gam); 03 điện thoại di động (trong đó có 01 điện thoại Iphone màu đen, 01 điện thoại Iphone màu đen xám bạc, 01 điện thoại Nokia màu đen) và số tiền 6.870.000đ (sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) thu giữ trong túi quần áo của N mang theo.

Ngoài ra tạm giữ của T: 01 xe ô tô biển kiểm soát 20A-150.84 do T điều khiển; 01 điện thoại di động màu trắng vàng đồng, mặt sau có chữ Iphone; số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 "coóng" (dụng cụ sử dụng ma túy đá) của Trung.

Số thuốc phiện thu giữ N khai nhận là của N đem từ nhà lên Cao Bằng cho Đoàn Thị T (sinh năm 1974, trú tại Tổ HH, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) để làm thuốc chữa bệnh. Toàn bộ số vật chứng nêu trên đã được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật.

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 18/6/2017 cơ quan CSĐT Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành bắt, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đoàn Thị T, tại Tổ B, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Qua khám xét vật chứng thu giữ:

- 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 02 túi nilon màu trắng chứa Methamphetamine (ghi mẫu 01) có trọng lượng là 3,72g (ba phẩy bảy hai gam) thu giữ ở túi quần bên phải đằng trước chiếc quần T đang mặc.

- 01 vỏ nilon màu xanh có chữ lipton trong có chứa 02 gói giấy bạc màu trắng trong đó có 01 gói có chứa Methamphetamine (ghi mẫu 02), có trọng lượng là 0,34g (không phẩy ba bốn gam) và 01 gói có chứa Hêrôin (ghi mẫu 03), có trọng lượng là 0,18g (không phẩy một tám gam) thu giữ trong túi quần bò trong tủ quần áo trong phòng ngủ của T.

- 01 túi vải màu đỏ bên trong là lớp giấy bạc màu trắng có chứa Methamphetamine (ghi mẫu 04) có trọng lượng là 0,73g (không phẩy bảy ba gam) thu giữ trong túi quần lửng màu xanh trong tủ quần áo trong phòng ngủ của T.

- 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa Methamphetamine đựng trong lọ thuốc có chữ COVERAM (ghi mẫu 05), có trọng lượng là 0,20g (không phẩy hai không gam) thu giữ trong ngăn kéo đầu giường trong buồng ngủ của T.

- 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa Hêrôin (ghi mẫu 06), có trọng lượng là 0,04g (không phẩy không bốn gam) thu giữ trong túi giả da màu đen treo trên tường trong buồng ngủ của T.

Tổng số thu 04 mẫu vật (mẫu 01, 02, 04, 05) có Methamphetamine có tổng trọng lượng là: 4,99g (bốn phẩy chín chín gam).

Tổng số thu 02 mẫu vật (mẫu 03, 06) có Hêrôin có tổng trọng lượng là: 0,22g (không phẩy hai hai gam).

Ngoài ra thu giữ: 01 "coóng" (dụng cụ sử dụng ma túy đá) thu giữ trên giường trong buồng ngủ của T; 01 cân điện tử màu đen thu giữ trên giá treo trong buồng ngủ của T; 02 điện thoại di động (trong đó 01 điện thoại màu đen vàng có chữ SAMSUNG và 01 điện thoại màu đen vàng mặt trước và sau có chữ PHILIP đã qua sử dụng), thu giữ trong buồng ngủ của T; số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) thu giữ trong túi quần phía trước bên trái chiếc quần T đang mặc; số tiền 68.440.000đ (sáu mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trong két sắt trong nhà ở của T.

T khai nhận: Số ma túy thu giữ là của T để sử dụng và bán lại kiếm lời. Toàn bộ số vật chứng nêu trên đã được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật.

* Hồi 22 giờ 40 phút ngày 18/6/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị Ngọc H tại Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Vật chứng thu giữ:

- 192 viên nén, trong đó có 190 viên màu hồng và 02 viên màu xanh để trong túi nilon màu xanh (ghi mẫu 01), đều là Methamphetamine có trọng lượng là 19,30g (một chín phẩy ba không gam**)** thu giữ trong túi áo khoác màu trắng treo trên tường trong hành lang trước cửa nhà của H.

- 03 gói nilon màu trắng, bên trong mỗi gói có chứa 10 viên màu hồng (ghi mẫu 02), đều là Methamphetamine có trọng lượng là 2,88g (hai phẩy tám tám gam) thu giữ trong túi vải nhung màu đỏ để trong túi áo da treo trên tường trên hành lang trước cửa nhà của H.

- 08 gói giấy bạc màu trắng bên trong mỗi gói đều có chứa Hêrôin đựng trong một túi nilon màu trắng (ghi mẫu 03), có trọng lượng là 2,14g (hai phẩy

một bốn gam) thu giữ trong túi vải nhung màu đỏ thu giữ trong túi áo da treo trên tường trên hành lang trước cửa nhà của H.

- 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa Hêrôin để trong túi vải nhung màu đỏ (ghi mẫu 04), có trọng lượng là 1,24g (một phẩy hai bốn gam) thu giữ trong túi áo da treo trên tường trên hành lang trước cửa nhà của H.

- 03 gói nilon màu trắng bên trong mỗi gói có chứa Methamphetamine để trong túi vải nhung màu đỏ (ghi mẫu 05), có trọng lượng là 5,15g (năm phẩy một năm gam) thu giữ trong túi áo da treo trên tường ở hành lang trước cửa nhà của H.

- 01 túi nilon màu trắng trong có chứa Ketamine để trong túi vải nhung màu đỏ (ghi mẫu 06), có trọng lượng là 3,56g (ba phẩy năm sáu gam) thu giữ trong túi áo da treo trên tường ở hành lang trước cửa nhà của H.

Tổng số thu 03 mẫu vật (mẫu 01, 02, 05) có Methamphetamine có tổng trọng lượng là: 27,33g (hai bảy phẩy ba ba gam).

Tổng số thu 02 mẫu vật (mẫu 03, 04) có Hêrôin có tổng trọng lượng là: 3,38g (ba phẩy ba tám gam).

Tổng số thu 01 mẫu vật (mẫu 06) có Ketamin có tổng trọng lượng là: 3,56g (ba phẩy năm sáu gam)

Ngoài ra tạm giữ: 01 cân điện tử màu đen thu giữ trong tủ quần áo phòng khách tầng 1 nhà của H; 01 "coóng" (dụng cụ sử dụng ma túy đá) thu giữ trong tủ quần áo trên tầng 2 nhà của H. Số ma túy khám xét thu giữ (mẫu 03, 04, 05) H khai nhận là của H mua với Đoàn Thị T (sinh năm 1974, chỗ ở: Tổ B, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng). Còn số ma túy (mẫu 01, 02, 06) H khai nhận là của H mua với một người đàn ông khoảng 45 tuổi (không biết tên và địa chỉ) ở khu vực rạp ngoài trời thành phố Cao Bằng. Mục đích mua số ma túy trên về để sử dụng và bán lại kiếm lời. Toàn bộ số vật chứng nêu trên đã được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật.

Hồi 11 giờ ngày 20/6/2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Kiều Linh N tại Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Qua khám xét không thu giữ được gì.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 102/GĐMT ngày 07/7/2017 đối với vật chứng vụ án ghi mẫu cần giám định: 04 phong bì niêm phong lần lượt ký hiệu KX01, KX02, KX04, KX05 ghi vụ Đoàn Thị T, Mua bán trái phép chất ma túy; 04 phong bì niêm phong lần lượt ký hiệu KX01, KX02, KX05, KX06 ghi vụ Nguyễn Thị Ngọc H, Mua bán trái phép chất ma túy.

Quyết định trưng cầu giám định số 103/GĐMT ngày 07/7/2017 đối với vật chứng vụ án ghi mẫu cần giám định: 01 phong bì niêm phong ghi mẫu quả tang vụ Đoàn Thị T và Nguyễn Thị Ngọc H, Mua bán trái phép chất ma túy; 01 phong bì niêm phong ghi mẫu quả tang vụ Đoàn Thị T và Kiều Linh N, mua bán trái phép chất ma túy; 02 phong bì niêm phong lần lượt ký hiệu KX03, KX06 ghi vụ Đoàn Thị T, mua bán trái phép chất ma túy; 02 phong bì niêm phong lần

lượt ký hiệu KX03, KX04 ghi vụ Nguyễn Thị Ngọc H, mua bán trái phép chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 137/GĐMT ngày 28/7/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: *05 (năm) mẫu chất bột màu trắng trong 05 phong bì ghi M1, M3, M4, M5, M6 gửi giám định đều là ma túy, loại: Heroine.*

Mẫu chất nhựa dẻo màu đen trong phong bì niêm phong ghi M2 gửi giám định là Thuốc phiện.

** Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT: 20, Nghị định số: 82/2013/NĐCP, ngày 19/7/2013 của Chính phủ.*

Tại Bản kết luận giám định số 3483/C54(TT2) ngày 18/8/2017 của Viện khoa học hình sự, Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Mẫu vật thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc H:

+ Niêm phong ký hiệu KX01: Mẫu viên nén màu hồng và xanh là ma túy, loại Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine trung bình là 16.1%.

+Niêm phong kí hiệu KX02: Mẫu viên nén màu hồng là ma túy, loại Methamphetamin, hàm lượng Methamphetamine trung bình là 16,3%.

+ Niêm phong kí hiệu KX05: Mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamin, hàm lượng Methamphetamine là 70,0%.

+ Niêm phong kí hiệu KX06: Mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, loại Ketamine, hàm lượng Ketamine là 60,5%.

- Mẫu vật thu giữ của Đoàn Thị T:

+ Niêm phong ký hiệu KX01: Mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 71.1%.

+ Niêm phong ký hiệu KX02: Mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 70.2%.

+ Niêm phong ký hiệu KX04: Mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 72.4%.

+ Niêm phong ký hiệu KX05: Mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, hàm lượng Methamphetamine là 68.5%.

Như vậy thu giữ tổng trọng lượng số thuốc phiện của Kiều Linh N là 375,69g (ba bảy năm phẩy sáu chín gam); thu giữ đối với Đoàn Thị T số Hêrôin là 0,22g (không phẩy hai hai gam), số Methamphetamine là 4,99g (bốn phẩy chín chín gam); thu giữ đối với Nguyễn Thị Ngọc H số Hêrôin là 8,93g (tám phẩy chín ba gam), số Methamphetamine là 27,33g (hai bảy phẩy ba ba gam), số Ketamin là 3,56g (ba phẩy năm sáu gam).

Quá trình điều tra Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 14 giờ ngày 13/6/2017, Đoàn Thị T đến thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn và gọi điện thoại cho một người đàn ông tên là Q (không biết họ và địa chỉ cụ thể), khoảng 45 tuổi, nhà ở thành phố TN, qua điện thoại T hỏi Q là có Hêrôin không, nếu có cho T mua 5.000.000đ (năm triệu đồng), Q trả lời là có và đồng ý bán Hêrôin cho T và hẹn T gặp nhau ở thị trấn

CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn để trao đổi. Khoảng một tiếng sau thì Q đến gặp T, khi gặp nhau T lấy tiền đưa cho Q 5.000.000đ (năm triệu đồng), Q nhận tiền rồi đưa cho T 01 gói Hêrôin được gói bằng giấy bạc màu trắng. Sau khi trao đổi xong Q đi đâu không biết, còn T đem gói Hêrôin đi theo xe ô tô khách về nhà ở tại Tổ B, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, mở gói Hêrôin bớt một phần ra để sử dụng cho bản thân. Số Hêrôin còn lại T chia ra làm 04 gói trong đó có 02 gói được gói bằng nilon màu trắng và 02 gói được gói bằng giấy bạc màu trắng. Sau đó T để 02 gói vào trong túi quần của T đang mặc còn 02 gói T cất giấu vào trong túi áo giả da màu đen treo trong phòng ngủ của T.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/6/2017, T đi ra khu vực đầu cầu SH, thành phố CB mua 01 gói ma túy Methamphetamine với giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng) với một người đàn ông tên là N (không biết họ và địa chỉ cụ thể), khoảng 40 tuổi, quê ở huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Sau khi mua được ma túy T đem về nhà bớt một phần ra để sử dụng cho bản thân, số còn lại T chia ra làm 06 gói nhỏ trong đó có 04 gói được gói bằng nilon màu trắng và 02 gói được gói bằng giấy bạc màu trắng. T để 03 gói cho vào túi quần của T đang mặc, còn 03 gói cho vào ngăn kéo trong buồng ngủ của T.

Đến khoảng 12 giờ ngày 17/6/2017 khi T đang ở nhà thì có Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm 1982, trú tại Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) gọi điện thoại hỏi T để mua Hêrôin và Methamphetamine. T nhất trí bán, sau đó H đến nhà T và bảo mua với T 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền Hêrôin và 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền Methamphetamine. T nhận tiền với H và đưa cho H 01 gói Hêrôin và 01 gói Methamphetamine đều được gói bằng nilon màu trắng. Sau khi mua xong H đem về nhà mở gói ma túy đá bớt lấy một phần ra để sử dụng cho bản thân, còn lại H chia làm 03 gói nhỏ đều được gói bằng nilon màu trắng. Còn gói Hêrôin H mở ra chia làm 09 gói nhỏ trong đó 08 gói được gói bằng giấy bạc màu trắng và 01 gói được gói bằng nilon màu trắng, sau đó H cho vào túi vải nhung màu đỏ cất giấu vào túi áo da treo trên hành lang trước cửa nhà của H.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/6/2017, Trần Thanh L (sinh năm 1983, trú tại tổ MB, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) gọi điện thoại cho H nhờ H tìm mua Hêrôin cho L với số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), và trả công cho H 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), nếu mua được thì hẹn gặp nhau ở khu vực sân vận động thuộc tổ MB, phường HG, thành phố CB. Hà nhất trí, nên gọi điện thoại ngay cho T hỏi mua Hêrôin với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). T đồng ý và bảo H đến nhà T lấy. H đến nhà T và nói với T là hiện nay H chưa có tiền, khi nào có sẽ trả cho T sau, T đồng ý và đi vào trong buồng ngủ lấy 01 gói Hêrôin được gói bằng nilon màu trắng, lớp ngoài bọc bằng giấy vệ sinh màu trắng đưa cho H. Sau khi lấy được Hêrôin từ T, H đem gói Hêrôin đến nơi hẹn gặp L, khi H vừa đến khu vực sân vận động chưa gặp được L thì bị Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Còn đối với Kiều Linh N, N khai nhận: Vào khoảng năm 2011 Kiều Linh N đến khu vực bãi vàng SP thuộc huyện VB, tỉnh Lào Cai mở quán bán hàng cơm, trong thời gian bán hàng N có quen một bà cụ khoảng 70 tuổi nhưng không

biết tên và địa chỉ của bà này ở đâu. Trong thời gian ở đấy bà cụ đã cho N 04 gói thuốc phiện để làm thuốc, đều được gói bằng nilon màu trắng. Sau đó N đem số thuộc phiện trên về nhà ở tại thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn cho vào một hộp sắt cất giấu để trong buồng ngủ của N.

Đến khoảng tháng 01/2017 có một người đàn ông tên N (không biết họ và địa chỉ cụ thể), khoảng 35 tuổi, quê ở huyện TL, tỉnh Cao Bằng, do N đi lại hay vào ăn cơm tại quán cơm của N nên quen biết, N có hỏi N tìm ít thuốc phiện về để làm thuốc chữa bệnh nên N đã lấy 01 gói thuốc phiện ở trong buồng ra chia làm 04 gói nhỏ đều được gói bằng nilon màu trắng rồi lấy cho N 01 gói, do quen biết nên N không lấy tiền với N. Còn 03 gói N gói lại thành một gói và cất giấu vào cùng 03 gói còn lại để ở trong chiếc hộp sắt trong buồng ngủ của N.

Đến ngày 15/6/2017 T gọi điện thoại cho N, qua điện thoại T bảo N nếu có thuốc phiện thì đem lên cho T một ít để làm thuốc, T hứa sẽ trả tiền cho N 5.000.000đ (năm triệu đồng), N trả lời là hiện nay N có mấy chỉ thuốc phiện, nếu T muốn lấy thì N lấy cho chứ N không lấy tiền và hẹn mấy ngày nữa sẽ đem thuốc phiện lên Cao Bằng cho T.

Đến ngày 18/6/2017 N mang theo thuốc phiện đi xe ô tô khách từ thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn lên Cao Bằng để đưa cho T. Khi đến khu vực km N, phường ĐT, thành phố CB, N có gọi điện thoại bảo T đến đón, qua điện thoại T bảo đợi một lúc lát nữa có người đến đón. Sau đó T có gọi điện thoại cho Hoàng Tiến T (sinh năm 1981, trú tại tổ MM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) nhờ đi đón N. T nhất trí và mượn xe ô tô BKS 20A-15084 của bạn điều khiển xe đến đón N và đưa về nhà T. Khi xe vừa đến trước cửa nhà T thì bị công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự và Kiều Linh N về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã ra cáo trạng số: 93/KSĐT- MT ngày 23/11/2017 truy tố bị cáo Đoàn Thị T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Kiều Linh N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H, Kiều Linh N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cùng phù hợp với các nội dung khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra và cùng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như tang vật đã được thu giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm: Truy tố bị cáo Đoàn Thị T về tội "Mua

bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình; bị cáo Kiều Linh N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, hậu quả, hành vi nguy hiểm, cũng như nhân thân và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Viện kiểm sát đề nghị: Đối với bị cáo T áp dụng điểm b, h khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự, mức hình phạt sẽ là từ 10 đến 11 năm tù và xử phạt bổ sung là tiền với mức 50.000.000đ; Đối với bị cáo H áp dụng điểm o khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, mức hình phạt sẽ là từ 9 đến 10 năm tù và xử phạt bổ sung là tiền với mức 20.000.000đ; Đối với bị cáo N áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự (Số: 37/2009/QH12); điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội thì hành vi phạm tội của Kiều Linh N được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N; Tang vật trong vụ án là ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy cần phải xử tịch thu để tiêu hủy; phần tài sản là cân điện tử, điện thoại di động là tang vật vụ án cần xử tịch thu để phát mại sung công quỹ nhà nước. Tịch thu số tiền 2.000.000đ đối với T do phạm tội mà có, trả lại cho bị cáo T số tiền 71.440.000đ; cho bị cáo N số tiền 6.870.000đ và bị cáo H số tiền 1.270.000đ, tuy nhiên cần thiết phải tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho các bị cáo điện thoiạ di động mà tại phiên tòa hôm nay xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến hay khiếu nại gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra và của Tòa án.

Các bị cáo được thực hiện quyền nói lời sau cùng:

- Bị cáo Đoàn Thị T: Bản thân bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo biết mình đã sai và mong hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H: Bản thân biết mình đã vi phạm pháp luật, mong Tòa án xem xét hoàn cảnh của bị cáo có con nhỏ mới sinh tháng 08 năm 2015, đã ly hôn chồng và là lao động duy nhất, cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật với hình phạt thấp nhất để bị cáo được nuôi con và sớm được trở về làm người dân lương thiện.

- Bị cáo Kiều Linh N: Bị cáo biết mình đã sai và rất ăn năn, hối hận, mong hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ý kiến của kiểm sát viên, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Thị T thừa nhận hành vi: Khoảng 14 giờ ngày 13/6/2017 theo thỏa thuận Đoàn Thị T đến thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn mua 5.000.000đ (năm triệu đồng) ma túy với một người đàn ông tên là Q (không biết họ và địa chỉ cụ thể), sau khi mua bán xong Q đi đâu không biết, còn T đem gói Hêrôin đi theo xe ô tô khách về nhà ở tại Tổ B, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng, mở gói Hêrôin bớt một phần ra để sử dụng cho bản thân, số còn lại được chia ra thành nhiều gói nhỏ nhằm mục đích để bán cho các đối tượng nghiện ma túy.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/6/2017, T đi ra khu vực đầu cầu SH, thành phố CB mua 01 gói ma túy Methamphetamine với giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng) với một người đàn ông tên là N (không biết họ và địa chỉ cụ thể), khoảng 40 tuổi, quê ở huyện TT, tỉnh Cao Bằng. Sau khi mua được ma túy T đem về nhà bớt một phần ra để sử dụng cho bản thân, số còn lại T chia ra làm 06 gói nhỏ cũng nhằm để bán cho các đối tượng nghiện ma túy.

Đến khoảng 12 giờ ngày 17/6/2017 khi T đang ở nhà thì có Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm 1982, trú tại Tổ BM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) gọi điện thoại hỏi T để mua Hêrôin và Methamphetamine. T nhất trí bán. Sau đó H đến nhà T và bảo mua với T 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền Hêrôin và 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền Methamphetamine. T nhận tiền với H và đưa cho H 01 gói Hêrôin và 01 gói Methamphetamine đều được gói bằng nilon màu trắng.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H khai nhận ngày 17/6/2017, sau khi mua ma túy với T xong H đem về nhà mở gói ma túy đá bớt lấy một phần ra để sử dụng cho bản thân, còn lại H chia làm 03 gói nhỏ đều được gói bằng nilon màu trắng. Còn gói Hêrôin H mở ra chia làm 09 gói nhỏ trong đó 08 gói được gói bằng giấy bạc màu trắng và 01 gói được gói bằng nilon màu trắng, sau đó H cho vào túi vải nhung màu đỏ cất giấu vào túi áo da treo trên hành lang trước cửa nhà của H nhằm để bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy kiếm lời; ngoài nội dung khai nhận về việc mua ma túy với T, ngày 17/6/2017 H còn thừa nhận hành vi khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/6/2017, Trần Thanh L (sinh năm 1983, trú tại tổ MB, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) gọi điện thoại cho H nhờ H tìm mua Hêrôin cho L với số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) và trả công cho H 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), nếu mua được thì hẹn gặp nhau ở khu vực sân vận động thuộc tổ MB, phường HG, thành phố CB. H nhất trí nên gọi điện thoại ngay cho T hỏi mua Hêrôin với số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng). T đồng ý và bảo H đến nhà T lấy. H đến nhà T và nói với T là hiện nay H chưa có tiền, khi nào có sẽ trả cho T sau, T đồng ý và đi vào trong buồng ngủ lấy 01 gói Hêrôin được gói bằng nilon màu trắng, lớp ngoài bọc bằng giấy vệ sinh màu trắng đưa cho H. Sau khi lấy được Hêrôin từ T, H đem gói Hêrôin đến nơi hẹn gặp L, khi H vừa đến khu vực sân vận động chưa gặp được L thì bị Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Còn đối với Kiều Linh N, N khai nhận: Vào khoảng năm 2011 Kiều Linh N đến khu vực bãi vàng SP thuộc huyện VB, tỉnh Lào Cai mở quán bán hàng cơm, trong thời gian bán hàng N có quen một bà cụ khoảng 70 tuổi nhưng không biết tên và địa chỉ của bà này ở đâu. Trong thời gian ở đấy bà cụ đã cho N 04 gói thuốc phiện để làm thuốc, đều được gói bằng nilon màu trắng. Sau đó N đem số thuộc phiện trên về nhà ở tại thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn cho vào một hộp sắt cất giấu để trong buồng ngủ của N.

Đến khoảng tháng 01/2017 có một người đàn ông tên N (không biết họ và địa chỉ cụ thể), khoảng 35 tuổi, quê ở huyện TL, tỉnh Cao Bằng, do N đi lại hay vào ăn cơm tại quán cơm của N nên quen biết, N có hỏi N tìm ít thuốc phiện về để làm thuốc chữa bệnh nên N đã lấy 01 gói thuốc phiện ở trong buồng ra chia làm 04 gói nhỏ đều được gói bằng nilon màu trắng rồi lấy cho N 01 gói, do quen biết nên N không lấy tiền với N. Còn 03 gói N gói lại thành một gói và cất giấu vào cùng 03 gói còn lại để ở trong chiếc hộp sắt trong buồng ngủ của N.

Đến ngày 15/6/2017 T gọi điện thoại cho N, qua điện thoại T bảo N nếu có thuốc phiện thì đem lên cho T một ít để làm thuốc, T hứa sẽ trả tiền cho N 5.000.000đ (năm triệu đồng), N trả lời là hiện nay N có mấy chỉ thuốc phiện nếu T muốn lấy thì N lấy cho chứ N không lấy tiền và hẹn mấy ngày nữa sẽ đem thuốc phiện lên Cao Bằng cho T.

Đến ngày 18/6/2017 N mang theo thuốc phiện đi xe ô tô khách từ thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn lên Cao Bằng để đưa cho T. Khi đến khu vực km5, phường ĐT, thành phố CB, N có gọi điện thoại bảo T đến đón, qua điện thoại T bảo đợi một lúc lát nữa có người đến đón. Sau đó T có gọi điện thoại cho Hoàng Tiến T (sinh năm 1981, trú tại tổ MM, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) nhờ đi đón N. T nhất trí và mượn xe ô tô BKS 20A-15084 của bạn điều khiển xe đến đón N và đưa về nhà T. Khi xe vừa đến trước cửa nhà T thì bị công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Xét lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập được, đó là: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 16h30 ngày 18/6/2017; Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 17h25 ngày 18/6/2017; Biên bản về việc bắt người do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 19h35 ngày 18/6/2017; Biên bản khám xét do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 17h30 ngày 18/6/2017; Biên bản khám xét do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 22h40 ngày 18/6/2017; Biên bản khám xét do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 11h00 ngày 20/6/2017; Biên bản mở niêm phong tang vật cân xác định trọng lượng tịnh lấy mẫu giám định và niêm phong lại do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 14h00 ngày 19/6/2017; Biên bản mở niêm phong tang vật cân xác định trọng lượng tịnh lấy mẫu giám định và niêm phong lại do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 14h35 ngày 19/6/2017; Biên bản mở niêm phong tang vật cân xác định trọng lượng tịnh lấy mẫu giám định và niêm phong lại do Công an thành phố Cao Bằng lập hồi 14h55 ngày 19/6/2017; Kết luận giám định số 137/GĐMT ngày 28/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng;

Kết luận giám định số 3483/C54 (TT2) ngày 18/8/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an. Qua đó thể hiện rõ hành vi mà các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Hành vi của Kiều Linh N đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo theo như cáo trạng số: 93/KSĐT–MT ngày 23/11/2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H và Kiều Linh N là những người công dân có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, có trình độ văn hoá lớp phổ thông nhất định, bản thân bị cáo Đoàn Thị T đã từng bị Tòa án xử phạt tù về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bị cáo H và bị cáo N mặc dù chưa bị xử lý về các hành vi liên quan đến ma túy, nhưng cả ba bị cáo đều sống nơi tập trung đông dân cư, có đầy đủ điều kiện về thông tin, văn hóa – xã hội, nên các bị cáo hoàn toàn biết ma túy nói chung là chất độc dược gây nghiện Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, mua bán, sử dụng...; ma túy là mầm mống cho tệ nạn xã hội và tội phạm nguy hiểm phát sinh trong đời sống xã hội, ngoài ra ma túy còn làm thiệt hại về kinh tế, suy giảm về sức khỏe, băng hoại và sói mòn đạo đức, thuần phong mỹ tục… nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với mục đích động cơ nhằm kiếm lợi cho bản thân và thỏa mãn nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy của mình, phó mặc mọi hậu quả xảy ra đối với xã hội, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và mang tính nghiêm trọng, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, tiếp tay cho tệ nạn xã hội và là mầm mống phát sinh các loại tội phạm nguy hiểm khác; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là hoàn toàn cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Xét nhân thân của bị cáo Đoàn Thị T thấy rằng: Bản thân bị cáo đã từng bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc năm 2006 và xử phạt tù về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy năm 2009, mặc dù đã hết thời hiệu và đã được xóa án tích nhưng phải coi bị cáo là người có nhân thân xấu. Chỉ vì mục đích nhằm trục lợi và phục vụ nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy của mình, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, trong vụ án này bị cáo không chỉ thực hiện hành vi mua bán ma túy nhiều lần, mua bán nhiều chất ma túy mà còn đóng vai trò là đầu mối, là trung tâm cho các đối tượng khác thực hiện hành vi mua bán, tàng tữ trái phép các chất ma túy. Như vậy cần đánh giá tính nguy hiểm, hậu quả xấu đối với xã hội do hành vi của bị cáo đã gây ra để làm căn cứ áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng; đồng thời xét bị cáo phải chịu trách nhiệm về khối lượng các chất ma túy mà bị cáo tàng trữ nhằm mục đích bán, cũng như là số ma túy bị cáo đã bán cho Nguyễn Thị Ngọc H, cụ thể: Heroine 9,15g (Heroine khám xét thu giữ của T 0,22g + Heroine bán cho H ngày 17/6/2017 là 3,38g + Heroine bán cho H ngày 18/6/2017 là 5,55g); Khối lượng Methamphetamine bị cáo T phải chịu trách nhiệm được xác định cụ thể là (Mẫu 1kx: 3,72g x 71,1% : 100 = 2,644g; mẫu 2 kx: 0,34g x 70,2% : 100 = 0,238g; mẫu 04 kx: 0,75g x 72,4% : 100 = 0,543g; mẫu 05 kx: 0,20g x 68% : 100 = 0,134g; cộng chung bốn

mẫu = 3,559 gam); Methamphetamine đã bán cho H là (5,15g x 70% : 100 = 3,605g); Tộng cộng khối lượng Methamphetamine = 7,164gam. Qua việc xác định được cụ thể như vậy thì quyết định hình phạt mới mang tính chính xác, đảm bảo quyền con người và sự công bằng của pháp luật. Ngoài việc coi bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để cho bị được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự thì đối với bị cáo hoàn toàn có căn cứ để áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định với mức phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, như vậy mới đảm bảo sự nghiêm khắc của pháp luật và tính công bằng xã hội. Đối với bị cáo T ngoài hình phạt chính, xét về điều kiện bị cáo có tài sản và khả năng kinh tế (Kinh doanh hàng tạp hóa và hoạt động cho vay, nhận cầm cố tài sản…), như vậy hoàn toàn đủ cơ sở để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền một lần theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H: Bản thân bị cáo ngày 04/12/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách là 18 tháng về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Án chưa được xóa án tích vì bị cáo chưa chấp hành xong quyết định của bản án số 534/2012/HS – ST ngày 04/12/2012 về phần truy nộp khoản tiền do phạm tội mà có để tịch thu, sung quỹ Nhà nước), như vậy nhân thân của bị cáo là nhân thân xấu, hành vi phạm tội là hành vi tái phạm. Bản thân bị cáo chỉ vì mục đích nhằm trục lợi và phục vụ nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy của mình, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, phó mặc mọi hậu quả xấu xảy ra, bất chấp coi thường pháp luật thực hiện hành vi mua bán ma túy nhiều lần với nhiều chất ma túy, vai trò của bị cáo trong vụ án này chỉ là người mua đi, bán lại kiếm lời để có tiền phục vụ nhu cầu sử dụng trái phép ma túy của mình; đồng thời xét bị cáo phải chịu trách nhiệm về khối lượng các chất ma túy mà bị cáo tàng trữ nhằm mục đích bán để có quyết định hình phạt tương xứng và chính xác, đảm bảo quyền con người và sự công bằng của pháp luật, vì vậy khối lượng các chất ma túy bị cáo H sẽ phải chịu trách nhiệm cụ thể được tính như sau: Heroine 8,93g (Heroine H mua với T ngày 17/6/2017 là 3,38g + Heroine H mua với T ngày 18/6/2017 là 5,55g); Methamphetamine là: Mẫu 1kx: 19,30g x 16,1% : 100 = 3,107g; mẫu 2 kx: 2,88g x 16,3% : 100 = 0,46g; mẫu 05 kx: 5,15g x 70% : 100 = 3,605g; cộng chung ba mẫu = 7,172 gam; Ketamin mẫu 06 kx: 3,56g x 60,5% : 100 = 2,153g. Như vậy việc coi bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, thì đối với bị cáo cũng phải xét hành vi là tái phạm để áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, để trên cơ sở đó việc áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định với mức hình phạt tương ứng, nghiêm khắc là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với bị cáo H hành vi phạm tội của bị cáo là nhằm mục đích kiếm lợi cho bản thân, mặc dù hoàn cảnh cá nhân đã ly hôn, có con nhỏ, nhưng xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để nhằm ràng buộc

trách nhiệm và thái độ học tập cải tạo của bị cáo; tuy nhiên với vai trò trong vụ án và điều kiện thực tế của bị cáo, mức phạt đối với bị cáo sẽ thấp hơn bị cáo T.

Còn đối với bị cáo Kiều Linh N được coi là một người có nhân thân tốt, không tiền án, không tiền sự, hành vi phạm tội lần đầu, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức đúng về hành vi phạm tội sai trái của mình và có động cơ mong muốn được giáo dục, cải tạo học tập để trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này, bản thân bị cáo có bố đẻ là thương binh hạng 4/4, hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đây là những điều kiện để cho bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, đồng thời áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, căn cứ theo điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Nhưng xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm và là cố ý, vậy việc áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết, đúng quy định của pháp luật, đây cũng là điều kiện để bị cáo được học tập, cải tạo để trở thành người công dân tốt cho xã hội sau này, đồng thời đảm bảo tính đấu tranh phòng chống và loại trừ tội phạm ma túy trong xã hội. Đối với bị cáo N xét về tính chất hành vi phạm tội là "Tàng trữ trái phép chất ma túy", bản thân bị cáo hoàn cảnh khó khăn, chưa lập gia đình riêng, không nghề nghiệp thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình. Do vậy việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N là không đảm bảo căn cứ, nên Tòa án không áp dụng.

Về vật chứng và tài sản:

Các chất ma túy (Heroine, Methamphetamine, Ketamine); 02 bình thủy tinh, 01 bình nhựa (Coóng sử dụng ma túy) được xác định là tang vật của vụ án, là chất nhà nước cấm lưu hành trái phép và là những vật không có giá trị sử dụng, vậy cần xử tịch thu để tiêu hủy; 02 cân điện tử hiệu POCKET SCALE màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động màu đen vàng hiệu Philips tạm giữ của bị cáo T, 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia tạm giữ của bị cáo H, 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen, 01 điện thoại di động màu đen hiệu Nokia tạm giữ của bị cáo N, do các bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, nên xác định đây cũng là tang vật vụ án và giá trị sử dụng vẫn còn, vậy cần tịch thu để phát mại sung quỹ nhà nước; Riêng 01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen, xám, bạc và số tiền 6.870.000đ tiền Ngân hàng Việt Nam tạm giữ của bị cáo N, xác định điện thoại và số tiền này không được bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, vậy cần xử trả cho bị cáo N để quản lý sử dụng. Đối với bị cáo H khoản tiền tạm giữ của bị cáo H 1.270.000đ và 01 điện thoại OPPO màu trắng, Tòa án cũng xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cũng cần trả lại cho bị cáo để quản lý sử dụng. Số tiền tạm giữ đối với bị cáo T là 73.440.000đ, xác định có khoản tiền 2.000.000đ do bị cáo bán ma túy cho H mà có nên cần xử tịch thu để sung quỹ nhà nước, số tiền còn lại 71.440.000đ quá trình điều tra và tại phiên tòa không có căn cứ chứng minh là số tiền này liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo,

và cũng không có căn cứ để xác định đây là tiền của bố đẻ bị cáo là ông Đoàn Hữu L gửi, vì vậy cần trả cho bị cáo để quản lý sử dụng, tuy nhiên cần thiết phải tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án, ngoài ra bị cáo T còn được trả lại 01 điện thoại Samsung màu đen vàng để quản lý sử dụng vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về phần tài sản tạm giữ trong quá trình điều tra là: 01 xe ô tô hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 20A - 15084; 01 xe mô tô biển kiểm soát 11F8 - 8679; 01 điện thoại di động IPHONE và 1.500.000đ tiền Ngân hàng Việt Nam. Sau khi làm rõ và xác định được chủ sở hữu hợp pháp, cơ quan điều tra đã trả đầy đủ cho các chủ sở hữu, tại thời điểm xét xử sơ thẩm các chủ sở hữu không có kiến nghị gì về việc tạm giữ tài sản và yêu cầu xem xét bồi thường về thiệt hại tài sản; riêng phần dân sự liên quan đến xe ô tô biển kiểm soát 20A – 15084 (Thanh lý Hợp đồng dịch vụ thuê xe, trách nhiệm thanh toán tiền cầm đặt xe) ông Phi Hữu T, ông Nông Thế M và bị cáo T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này mà thỏa thuận với nhau là sẽ thanh lý hợp đồng và tính toán trách nhiệm dân sự khi có điều kiện (Ông M đang chấp hành án tù có thời hạn, bị cáo T không có điều kiện gặp gỡ giải quyết), xét yêu cầu của các bên là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và thực tế, do vậy Tòa án chấp nhận và không xem xét giải quyết.

Ngoài trách nhiệm hình sự, các bị cáo sẽ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Bị cáo Kiều Linh N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

- Áp dụng: điểm b, h khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (Số: 37/2009/QH12); Thông tư 01/TTLT ngày 19/06/1997

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày 18/6/2017.

Xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đoàn Thị T mức 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền Ngân hàng Việt Nam để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm 0 khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự (Số: 37/2009/QH12); Thông tư 01/TTLT ngày 19/6/1997.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 10 (Mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án (Thời hạn tù được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2017 đến ngày 27/6/2017).

Xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H mức 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền Ngân hàng Việt Nam để sung công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày án có hiệu lực, ngày cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành, nếu các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H không thi hành khoản tiền xử phạt bổ sung, thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm nộp phạt theo lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành khoản tiền xử phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (Số: 37/2009/QH12); điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Kiều Linh N 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày 18/6/2017.

2. Về tang vật, tài sản:

Căn cứ khoản 1; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Xử:

- Tịch thu để tiêu hủy toàn bộ số ma túy là tang vật vụ án được niêm phong trong các phong bì (01 phong bì số 3483/C54 (TT2) của Viện khoa học hình sự; 01 phong bì niêm phong ghi (mẫu vật cân quả tang) vụ: Đoàn Thị T, SN 1974 và Nguyễn Thị Ngọc H, SN 1982, mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017; 02 phong bì niêm phong trong đó ghi (khám xét mẫu 01) và (khám xét mẫu 3) vụ: Đoàn Thị T, SN 1974, HKTT: Tổ HH, phường SH, thành phố CB. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017; 06 phong bì niêm phong trong đó ghi (khám xét mẫu 01), (khám xét mẫu 02), (khám xét mẫu 03), (khám xét mẫu 04), (khám xét mẫu 05), (khám xét mẫu 06) vụ: Nguyễn Thị Ngọc H, SN 1982, HKTT: Tổ BM, phường HG, thành phố CB. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017; 01 hộp niêm phong ghi (Tang vật quả tang) vụ: Đoàn Thị T, SN 1974 và Kiều Linh N, SN 1983, hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017).

- Tịch thu để tiêu hủy 02 bình thủy tinh cao khoảng 15cm, có lỗ gắn hoặc cắm ống hút nhựa, kèm theo 02 ống thủy tinh một đầu hình cầu ("Coóng", dụng cụ sử dụng ma túy); 01 bình nhựa màu trắng dài khoảng 15cm, nắp có đục lỗ và gắn ống hút nhựa dài khoảng 50cm, kèm theo 01 ống thủy tinh một đầu hình cầu ("Coóng", dụng cụ sử dụng ma túy).

- Tịch thu để phát mại sung quỹ nhà nước: 02 (Hai) cân điện tử đã qua sử dụng, màu đen mặt trước có ghi chữ POCKET;

- Tịch thu để phát mại sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Philips, màu đen vàng (Niêm phong trong phong bì ghi vụ Đoàn Thị T, SN 1974, HKTT: Tổ HH, phường SH, thành phố CB. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày18/6/2017); 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone, màu đen (Niêm phong trong phong bì ghi vụ Kiều Linh N, SN 1983, HKTT: Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt

ngày18/6/2017); 02 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Nokia, màu đen (Được niêm phong trong cùng phong bì ghi vụ Nguyễn Thị Ngọc H, SN 1982, mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017; trong cùng phong bì ghi vụ Kiều Linh N, SN 1983, HKTT: Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày18/6/2017).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu) tiền Ngân hàng Việt Nam (Niêm phong trong phong bì 5.000.000đ ghi vụ Đoàn Thị T, SN 1974, HKTT: Tổ HH, phường SH, thành phố CB. Mua bán trái phép chất ma túy).

- Trả cho Đoàn Thị T (Tổ HH, phường SH, thành phố CB) 01 điện thoại đã qua sử dụng hiệu Samsung màu đen vàng (Niêm phong trong phong bì ghi vụ Đoàn Thị T, SN 1974, HKTT: Tổ HH, phường SH, thành phố CB. Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017) và số tiền 71.440.000đ (Bảy mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Việt Nam (Niêm phong trong 02 phong bì ngoài đều ghi vụ Đoàn Thị T, SN 1974, HKTT: Tổ HH, phường SH, thành phố CB. Mua bán trái phép chất ma túy), nhưng phải tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho Nguyễn Thị Ngọc H (Tổ BM, phường HG, thành phố CB) 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu OPPO màu trắng (Niêm phong trong phong bì ghi vụ Nguyễn Thị Ngọc H, SN 1982, HKTT: Tổ BM, phường HG, thành phố CB. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017) và số tiền 1.270.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi nghìn) tiền Ngân hàng Việt Nam (Niêm phong trong phong bì ghi vụ Nguyễn Thị Ngọc H, SN 1982, HKTT: Tổ BM, phường HG, thành phố CB. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017), nhưng phải tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

- Trả cho Kiều Linh N (Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn) 01 điện thoại di động màu đen, xám, bạc đã qua sử dụng hiệu Iphone (Niêm phong trong phong bì ghi vụ Kiều Linh N, SN 1983, HKTT: Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017) và số tiền 6.870.000đ (Sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn) tiền Ngân hàng Việt Nam (Niêm phong trong phong bì ghi vụ Kiều Linh N, SN 1983, HKTT: Tổ H, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 18/6/2017).

Toàn bộ tang vật và tài sản nêu trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/11/2017.

3. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử buộc các bị cáo Đoàn Thị T, Nguyễn Thị Ngọc H và Kiều Linh N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Hữu L, ông Nông Thế M, báo cho biết được quyền kháng cáo về phần quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong vụ án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Vắng mặt các bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Bích V, ông Phi Hữu T và ông Hoàng Tiến T, báo cho biết được quyền kháng cáo về phần quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong vụ án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thảo